

## KINH ĐIỂN liên hệ đến THIÊN TÔNG

### II. NGŨ LỤC CỦA CÁC THIÊN SƯ:

Thiên tông ứng dụng tu đúng theo đường của Phật trước kia đã hành, mà không ứng dụng theo pháp của Phật dạy. Thiên tông không tu theo pháp quán Tứ niệm xứ hay Ngũ đình tâm... của Nhị thừa, cũng không quán Nhân duyên tánh không hay Đại thừa Chỉ Quán của Đại thừa, mà ứng dụng ngay cách tu của đức Phật, từ khi thắc mắc vấn đề nhân sinh: “Tại sao con người phải sanh già bệnh chết? Có phương cách gì giải thoát sanh già bệnh chết?” Lấy đó làm mục đích hướng dẫn trọn một đời tu, đến khi vấn đề được nổ tung là giác ngộ, như đức Phật đã giác ngộ. Hoàn toàn thực thi theo đường hướng của Phật, nên nói là “kế thừa Tâm tông của Phật” (kế Phật tâm tông). Điều này chúng ta thấy rõ nơi các thiên lục sau đây :

#### 1. TÍN TÂM MINH :

##### a. Tác giả :

Tăng Xán (?–606), tổ thứ ba của Thiên Trung Hoa, đời nhà Tùy trú tác.

##### b. Tác phẩm:

Tín Tâm Minh là bài minh luận về lòng tin. Minh là bài răn, chép lại hoặc khắc in để ghi nhớ, và ở đây là bài tự thuật lại kinh nghiệm của bản thân mình. Tín Tâm là lòng tin. Nhưng ở đây không phải là lòng tin thường, thường gọi là tín ngưỡng. Thiết vậy, đem chữ “tín” ghép vào chữ “tâm”, người xưa đã phá hết giới hạn của lòng tin mà trực tiếp nhắm ngay vào trung tâm điểm của sanh hoạt đạo giáo. Nhất là từ ngày Bồ Tát Mã Minh viết bộ sách “Đại Thừa khởi tín luận” (luận về sự phát khởi lòng tin theo giáo lý Đại Thừa) thì chữ “tín” mang thêm một màu sắc siêu hình và tuyệt đối của phép nội quán, và có thể coi như là đồng nghĩa với “ngộ”. Và “ngộ” ấy chẳng phải cái gì khác hơn là “khởi tín”.

“Khởi tín là nhận biết cái giác tánh bản lai của mình. Khởi tín là trở về chính mình, trở về tự thể của chính mình” (Suzuki)

Vậy, Tăng Xán viết Tín Tâm Minh cũng như Huyền Giác viết Chứng Đạo Ca, đều mô tả lại sự tâm chứng của hai ngài về Thực tại tối thượng của đạo giáo. Thực tại ấy là gì? Không ai có thể nghĩ gì được về Thực tại ấy vì một lẽ rất dễ hiểu là Thực tại ấy là kết quả của một sự tu chứng chứ không phải của một ý nghĩ. Vì không có ý nghĩ nên Thực tại ấy siêu việt tất cả giới hạn của ý nghĩ, nói đúng hơn, tất cả mâu thuẫn (thiện ác, nghịch thuận, phàm thánh, phiền não niết bàn...) do ý nghĩ tạo ra. Nói thế không nghĩa giác ngộ là phá bỏ tất cả cặp mâu thuẫn để siêu lên ở trạng thái thứ ba nào đó. Không, không hề có trạng thái thứ ba dựng mới lên, mà cũng không hề có việc nắm lấy cũng như bỏ đi. Không có gì để “xả” mà cũng không có gì phải “thủ”. Trái lại, tất cả mâu thuẫn đều hòa đồng trong nhau, đều “viên dung vô ngại”.

Viên dung nghĩa là trắng tức là đen, đen tức là trắng.

Vô ngại nghĩa là “đen vẫn là đen mà trắng vẫn là trắng”.

Nói một cách khác, một vật đồng thời vừa là chính nó vừa chẳng phải là chính nó. Đó là luận lý Bát Nhã. Đó là đại bí mật của đạo giáo—và của cuộc sống.

Cho nên trong cuộc sống, người ngộ đạo không phá thế gian để chứng Niết bàn, không lia sanh tử luân hồi mà vẫn thoát ly sanh tử luân hồi, không xả tục mà xuất trần. Đó là tất cả tinh thần nhân bản của đạo Phật.

*Chỉ đạo vô nan  
Duy hiềm giản trạch  
Đản mạc tăng ái  
Đổng nhiên minh bạch.*

Chỉ đạo không khó

Chỉ hiềm lựa chọn

Chớ khởi yêu ghét

Rõng suốt minh bạch.

*Chỉ đạo* là chỗ tốt vô cùng, *vô nan* là không khó, *duy* là chỉ, *hiềm* là không bằng lòng, *giản trạch* là lựa chọn. Chỗ đạo tốt cùng không khó, mà khó ở chỗ còn lựa chọn. Chỉ đạo có chỗ gọi là Chân tâm, Phật tánh, Đại đạo. Đối với Chân tâm, Phật tánh, chúng ta muốn sống được không phải khó. Sở dĩ khó là tại chúng ta quen chọn lựa, nghĩa là đối cảnh liền sanh tâm phân biệt tốt xấu, hay dở... đó là trái với đạo. Vì vậy nên nói: “*chỉ đạo vô nan, duy hiềm giản trạch*”, tám chữ này nói đến chỗ tốt cùng, muốn sống được với Tâm thể chân thật không khó khăn gì, chỉ đừng chạy theo tâm chọn lựa. Vì chọn lựa là tâm hư vọng, nếu không sống với tâm hư vọng thì Tâm chân thật hiện ra.

*Đản mạc tăng ái, đổng nhiên minh bạch.*

Ở trên nói giản trạch là chọn lựa, ở đây bảo chớ khởi yêu ghét, yêu ghét là bệnh, là gốc của sanh tử luân hồi, hết yêu ghét thì tâm rộng rang sáng sủa.

Chỉ đạo không khó, vì chọn lựa nên thành khó. Bây giờ muốn cho nó hiện ra thì tâm chớ có yêu ghét. Nếu không yêu ghét thì nó rộng rang sáng sủa, không cần tìm kiếm đâu xa, không phải lên núi cao, vào rừng rậm mới có đạo, chỉ cần dứt sạch sự chọn lựa, buông được yêu ghét thì đạo hiện tiền.

Bài này bốn câu đầu Ngài dạy buông yêu ghét là hai bên. Rồi toàn bộ bài TÍN TÂM MINH ĐỀU bảo phải bỏ chấp hai mới là tín tâm; chạy theo cái hai bên thì không tín tâm.

Tóm lại, loài người cho đến loài vật, từ những việc đối đãi trong thế gian đều nằm ở hai bên. Vì vậy cho nên bao nhiêu niệm điên đảo nổi lên, thấy nam thì nhớ nữ, thấy tốt thì nhớ xấu, thấy phải thì nhớ quấy. Như vậy điên đảo cuồng loạn hoại cũng tại hai bên đó. Dừng được hai bên thì tâm vọng lặng, thể nhất như rộng sáng. Đó là cội nguồn của sự tu hành. Tín tâm không phải là tin tâm thiện của mình, tín tâm là tin được cái Tâm Chân Thật bất nhị.

## 1. CHỨNG ĐẠO CA :

của Thiền sư Huyền Giác

TIỂU SỬ THIỀN SƯ HUYỀN GIÁC

Thiền sư Vĩnh Gia Huyền Giác là con nhà họ Đới ở châu Ôn. Thuở nhỏ học tập kinh luận và chuyên rông về phép chỉ quán của phái Thiên Thai. Kế do xem kinh Duy Ma Cật mà tâm địa phát sáng. Tình cờ có học trò của sư Huệ Năng là thầy Huyền Sách hỏi thăm tìm đến. Hai người trò chuyện hăng say, Sách nghe Giác nói lời nào cũng thâm hiệp với ý chur Tổ, bèn hỏi rằng: “Nhân giả được pháp với thầy nào?”.

Giác đáp: “Tôi nghe kinh luận Phương đẳng mỗi mỗi đều có thầy truyền dạy. Sau do kinh Duy Ma mà ngộ được tâm Phật, nhưng chưa có người chứng minh cho”.

Sách nói: “Từ thời Phật Oai Âm Vương trở về trước thì được, nhưng từ thời Phật Oai Âm Vương trở về sau không thầy mà tự ngộ thì toàn thuộc phái ngoại đạo thiên nhiên”.

Giác nói: “Xin nhân giả chứng dùm tôi”.

Sách nói: “Lời tôi thiếu sót lắm nay tại Tào Khê có Đại sư Huệ Năng, bốn phương người đổ đôn về đó mà thọ pháp với Ngài. Nếu ông muốn chúng ta cùng đến đó”.

Giác bèn theo Sách đến viếng Tổ sư. Giác đi quanh Sư ba vòng xong chống tích trượng đứng. Sư nói: “Phàm là Sa môn phải đủ ba ngàn oai nghi tám muôn tế hạnh. Đại đức từ đâu đến mà lớn lối ngạo mạn vậy?”.

Giác đáp: “Sanh tử là việc lớn, vô thường mau chóng”.

Sư nói: “Vậy sao chẳng thể nhận cái lý vô sanh, thấu rõ cái nghĩa không chóng đi!”.

Giác đáp: “Thế tức vô sanh, thấu vốn không chóng”.

Sư nói: “Đúng vậy, đúng vậy”.

Huyền Giác bèn dùng hết oai nghi mà vái lạy, giầy lát xin cáo về.

Sư bảo: “Về chóng thế?”.

Giác đáp: “Vốn mình chẳng phải động, há có mau chóng sao?”.

Sư hỏi: “Ai biết chẳng phải động?”.

Giác đáp: “Đúng là tại nhân giả sanh tâm phân biệt”.

Sư nói: “Ông thực đã thấu cái ý vô sanh”.

Giác hỏi: “Vô sanh há có ý sao?”.

Sư vặn lại: “Không ý thì ai phân biệt đây”.

Giác đáp: “Phân biệt cũng chẳng phải là ý”.

Sư nói: “Tốt lắm hãy nán lại một đêm”.

Nhân đó người ta gọi là một đêm giác ngộ, nói theo chữ Hán là “Nhất túc giác”. Sau này Huyền Giác có soạn bài “Chứng đạo ca” được truyền tụng trong đời. Người sau truy tặng Ngài là Đại sư Vô Tướng, đương thời tôn Ngài hiệu là Chân Giác.

### b. Tác phẩm:

Chứng đạo ca là bài ca chứng đạo.

Chánh Văn đoạn đầu :

絕學無為聞道人。

不除妄想不求真。

無明實性即佛性。

幻化空身即法身。

Anh thấy chẳng:

Dứt học, vô vi. Ấy Đạo Nhân,

Không trừ vọng tưởng chẳng cầu chân

Tánh thực vô minh tức Phật tánh  
Thân không ảo hóa tức pháp thân

## 2. KHÓA HƯ LỤC

### a. Tác giả :

Trần Thái Tông - Ông vua Thiền sư

(1218 - 1277)

Trần Thái Tông tên Trần Cảnh, con thứ của Trần Thừa, sinh năm Mậu Dần niên hiệu Kiến Gia thứ tám (1218) triều Lý. Gia thế ở hương Tức Mặc, phủ Thiên Trường (nay là xã Tức Mặc huyện Mỹ Lộc tỉnh Hà Nam Ninh); ông cha làm nghề đánh cá. Nhờ có công dẹp loạn, họ Trần dần dần có thế lực từ đời Lý Cao Tông. Trần Cảnh mới có tám tuổi được Lý Chiêu Hoàng nhận làm chồng và truyền ngôi cho, lấy hiệu là Thái Tông.

### b. Tác phẩm :

Lục, 2 quyển, do vị vua Việt Nam đời Trần là Trần Thái Tông, vị vua có tâm đắc về Thiền, biên soạn.

Khóa: Sự hành trì tu tập, Hư: Thái độ không chấp trước vào hình thức giáo điều, Lục: Ghi chép thành sách. Nội dung bao gồm: Tựa dẫn, Tựa sách Thiền tông Chỉ Nam và quyển thượng, hạ.

1. Quyển thượng: Kệ bốn núi, Phổ thuyết về sắc thân, Văn khuyển phát tâm, Văn ngũ giới, Luận về Giới Định Huệ, Luận về thụ giới, Luận về niệm Phật, Luận về ngồi thiền, Luận về tám gương Huệ, Tựa kinh Kim Cang Tam-muội, Phổ thuyết về một con đường hướng thượng, Vấn đáp giữa Thầy trò, Kệ niệm tụng.

2. Quyển hạ:

Tựa của nghi thức lạy sám hối trong sáu thời.

Tựa của văn »Bình đẳng sám hối«.

Kệ cảnh sách đại chúng vào buổi sáng.

Sám hối sáu căn. Mỗi mục này chia ra 4 phân mục:

Bài dâng hương

Khải bạch

Văn sám hối

Kệ vô thường

Kệ khuyển đại chúng.

Lời bạt sau cùng.

Xét về nội dung, Khóa Hư lục vừa có giá trị thiền học, vừa có giá trị văn học, bởi qua các bài văn, luận, Trần Thái Tông đã dùng thể biên ngẫu và kệ, thể thơ thất ngôn, ngũ ngôn... đều rất giàu hình tượng, đầy ngữ khí thiền và giàu chất trữ tình để biểu đạt tư tưởng, cảm xúc siêu thoát của mình.

Sách này có bản in vào năm 1943 của Tổng Hội Phật Giáo Bắc Kỳ và các bản dịch sau đây:

Khóa Hư lục, Thiệu Chử dịch.

Khóa Hư lục, Nguyễn Đăng Thục dịch 1972.

Bản dịch của nhóm KHXH nằm trong Thơ văn Lý Trần tập I, 1989.

Khóa Hư lục, HT. Thanh Kiểm dịch, 1992.

Khóa Hư lục Giảng Giải, HT. Thích Thanh Từ, 1996.

## 3. KIẾN TÁNH THÀNH PHẬT

a.Tác giả :

Thiền sư Chân Nguyên , đời Hậu Lê, thuộc phái Lâm Tế đời thứ 36 và là người trung hưng thiền phái Trúc Lâm đời Trần. Ngài sinh năm 1647 người làng Tiên Liệt, huyện Thanh Hà tỉnh Hải Dương. Là một trong những cây đuốc sáng rực và là nhà tư tưởng lớn trong Phật Giáo ở thế kỷ thứ XVII.

b.Tác phẩm:

Kiến Tánh Thành Phật là tác phẩm của ngài, soạn vào đời Hậu Lê.

Phần đầu sách là lời Tiểu Dẫn và Lời Tựa, phần trong sách nói về Kiến tánh thành Phật là phần chánh, phần này nói thẳng về Thiền, vì Thiền tông chủ trương tu là phải kiến tánh mới thành Phật. Nhưng tại sao trong sách Kiến Tánh Thành Phật dạy tu Thiền mà nói về pháp môn tu Tịnh độ? Và, ngài Chân Nguyên lập ra đài Cửu phẩm liên hoa ở chùa Quỳnh Lâm, chùa Hoa Yên, chùa Linh Ứng để làm gì? - Trong sách có hai phần: phần một chỉ thẳng để cho người tu kiến tánh thành Phật, phần hai là phần phương tiện nhằm để thích hợp với trình độ căn cơ của người bình dân, Ngài dạy tu niệm Phật cầu vãng sanh. Đó là nói sơ lược qua nội dung quyển sách.

#### **4. ĐẠI THỪA YẾU THUYẾT**

(Nói chỗ cốt yếu của đại thừa)

a.Tác giả :

Pháp Loa tên thật là Đồng Kiên Cương, sanh năm Thiệu Bảo thứ sáu (1284) ngày mùng bảy tháng năm, quê làng Cửu La, phủ Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Cha là Đồng Thuận Mậu, mẹ là Vũ Từ Cứu. Là đệ nhị Tổ của thiền phái Trúc Lâm.

b.Tác phẩm:

Nếu người học cần yếu phải từ cạn đến sâu. Tức là gồm ba môn tuệ học, Văn Tu Tu, ba môn này thầy đều là Bát-nhã (trí tuệ). Giải rằng: Trước cần nghe pháp sanh tri giải, gọi là Văn tuệ. Kế suy gẫm pháp đã nghe, nhận định yếu lý rõ ràng, do suy gẫm nhập tâm mình, gọi là Tư tuệ. Rốt sau, như chỗ đã nghe, đã suy gẫm, căn cứ vào đó tu hành không cho sai chạy, gọi là Tu tuệ. Hai tuệ trước thuộc về hữu lậu, một tuệ sau thuộc vô lậu. Trước thì cạn, sau thì sâu. Tuy cạn sâu có khác, đều gọi chung là tuệ.

Kinh Pháp Hoa nói: “Nếu người được nghe hiểu, suy gẫm tu hành, ắt biết người ấy được gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác (Anuttara-Samyak-Sambodhi). Lại nói Giáo Lý Hạnh Quả rằng: “Do suy tầm Giáo nên ngộ được Lý, nhân ngộ Lý khởi Hạnh, Hạnh thành thì chứng Quả. Cho nên gọi là Giáo, Lý, Hạnh, Quả.

Nay lược nêu ít điều để chỉ bày cho người học, nếu khéo nhận rõ được chỗ này thì sẽ thông suốt chỗ kia. Cổ đức nói: “Học một quyển kinh được thông thì muôn quyển kinh đều hiểu.” Đây là chỗ tôi nhắc, người học phải thẩm tra tường tận.

#### **6. TUỆ TRUNG THƯỢNG SĨ NGŨ LỤC**

a.Tác giả :

(TRẦN TUNG: 1230 - 1291)

Thượng Sĩ là con đầu của Khâm Minh Từ Thiện Thái Vương (Trần Liễu), là anh cả của Hoàng thái hậu Nguyên Thánh Thiên Cảm. Khi Đại vương mất, Hoàng đế Thái Tông cảm nghĩa phong cho Thượng Sĩ tước Hưng Ninh Vương.

Lúc nhỏ, Thượng Sĩ nổi tiếng bẩm chất cao sáng thuần hậu. Được cử trấn giữ quân dân đất Hồng Lô, hai phen giặc Bắc xâm lăng, Ngài chống ngăn có công với nước, lần lượt thăng chức Tiết độ sứ giữ cửa biển Thái Bình. Đó là Ngài vì người vậy.

Thượng Sĩ khí lượng uyên thâm, phong thần nhàn nhã. Tuổi còn để chỏm, Ngài đã mướn mộ cửa Không. Sau Ngài đến tham vấn Thiền sư Tiêu Dao ở Tinh xá Phước Đường. Ngài lãnh hội được yếu chỉ, dốc lòng thờ làm thầy. Hằng ngày, Ngài lấy Thiền duyệt làm vui, không lấy công danh làm sở thích. Ngài lui về ở phong ấp Tịnh Bang, đổi tên là làng Vạn Niên. Hòa ánh sáng lẫn với thế tục (hòa quang đồng trần), Ngài cùng mọi người chưa từng chống trái, nên hay làm hưng thịnh hạt giống chánh pháp, dạy dỗ được hàng sơ cơ, người đến hỏi han, Ngài đều chỉ dạy cương yếu, khiến họ trụ tâm tánh, tùy phương tiện khi hiện khi ẩn, trọn không có tên thật.

### b. Tác phẩm:

Thượng Sĩ Ngữ Lục gồm 5 phần:

Phần I: Đối ứng với cơ duyên

Đây là phần gồm những lời dạy của Tuệ Trung đối với các Tăng sĩ và các Cư sĩ theo học thiền với Ngài. Có tất cả 41 câu hỏi của người học đặt ra và Ngài đã tùy theo căn cơ từng người mà giải đáp khiến ai cũng được nhiều lợi ích.

Phần II: Cử công án

Có tất cả 13 công án do Ngài chọn và viết.

Trong phần I và II có điều đặc biệt là Tuệ Trung được gọi là Sư mặc dù ông là Cư sĩ. Qua đó ta thấy Thượng Sĩ rất được mọi người mến mộ xem Ngài như người đã xuất gia rồi. Hoặc xem ông là người như trong Kinh Duy Ma Cát chép: “Thị hiện có vợ con nhưng người thường tu phạm hạnh, thị hiện có quyến thuộc nhưng người thích viễn ly,”[Kinh Duy Ma Cát, tr.51].

Phần III: Gồm các bài thơ tụng

Có 49 bài thơ tụng trong đó có 7 bài dài, số còn lại là những bài thơ ngắn.

Phần IV: Thượng Sĩ Hành Trạng

Bài viết bằng văn xuôi do sơ tổ Trúc Lâm Trần Nhân Tông viết về tiểu sử của Tuệ Trung Thượng Sĩ và hành trạng của Ngài.

Phần V: Lời Bạt

Do Đại Tướng Trần Khắc Chung viết theo lời yêu cầu của Sơ Tổ Trúc Lâm.

### **KẾT LUẬN**

Thiền tông có những điểm dường như khác biệt lời Phật dạy, do trong nhà Thiền tuyên bố: “giáo ngoại biệt truyền”... khiến nhiều người hiểu lầm Thiền tông không phải thật của đạo Phật. Hoặc có người cho Thiền tông là “quái thai của Phật giáo”. Nghiên cứu kỹ

Thiền tông, chúng ta thấy ngược lại, chính Thiền tông làm sống lại tinh thần đức Phật. Mục tiêu giác ngộ giải thoát đức Phật đề ra, Thiền tông tôn trọng triệt để. Vì chủ đích của Thiền tông không giác ngộ là tu chưa kết quả. Giác ngộ là ngọn hải đăng, các Thiền giả là hoa tiêu phải nhắm đến. Sự tu hành của Thiền tông không theo qui tắc định sẵn trong kinh, mà đi theo lối riêng, phỏng theo lối của Phật ngày trước. Chủ yếu của Thiền tông là khơi dậy Trí vô sư sẵn có nơi mọi người. Nhận ra được trí này là kiến tánh, đạt được viên mãn trí này là giác ngộ giải thoát. Trí này là trí đức Phật thành tựu ở dưới cội bồ-đề. Phát minh sáng tạo là trọng tâm của Thiền tông. Nếu thực hành theo công thức đã định sẵn là không có phát minh. Muốn được phát minh phải nghiền ngẫm chú tâm vấn đề mới sáng tỏ được. Cho nên Thiền định không thể thiếu trên con đường giác ngộ. Bởi phát minh nên Thiền là tinh thần sáng tạo. Phát minh, sáng tạo, tự tín là cốt lõi của Thiền. Ba điều này là đặc điểm của con người văn minh, của xã hội đẹp đẽ.